

b) Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

2. Cơ sở khám chữa bệnh, cơ sở giáo dục, cơ sở nghiên cứu khoa học có vốn đầu tư nước ngoài phải chấp hành quyết định thanh tra, kiểm tra chuyên ngành; có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật Việt Nam về khiếu nại và tố cáo.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30.

1. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

2. Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 07/2000/ND-CP ngày 09/3/2000 về chính sách cứu trợ xã hội.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 20 tháng 3 năm 1996;

Căn cứ Pháp lệnh Phòng, chống bão lụt ngày 08 tháng 3 năm 1993;

Căn cứ Pháp lệnh về người tàn tật ngày 30 tháng 7 năm 1998;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nghị định này quy định một số chính sách và chế độ cứu trợ xã hội nhằm hỗ trợ, giúp đỡ về vật chất, tinh thần cho người già cô đơn, trẻ mồ côi, người tàn tật nặng, người gặp rủi ro do thiên tai và những lý do bất khả kháng khác mà bản thân họ và người thân của họ không thể tự khắc phục được (sau đây gọi chung là người thuộc diện cứu trợ xã hội).

Điều 2. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện để các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài tự nguyện giúp đỡ người thuộc diện cứu trợ xã hội.

Điều 3. Việc cứu trợ xã hội chủ yếu được thực hiện tại gia đình và tại cộng đồng - nơi người thuộc diện cứu trợ xã hội cư trú. Việc hỗ trợ nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội chỉ áp dụng cho người cô đơn không nơi nương tựa hoặc đặc biệt khó khăn.

Điều 4. Tổ chức và cá nhân có đủ điều kiện về cơ sở vật chất và nguồn tài chính để nuôi dưỡng trẻ mồ côi, người tàn tật, người già cô đơn lâu dài với mức tối thiểu trở lên theo quy định của pháp luật, phù hợp với quy hoạch của Nhà nước, không yêu cầu Nhà nước hỗ trợ kinh phí, được phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trình

Chính phủ ban hành Quy chế thành lập và hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội.

Điều 5. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào hoàn cảnh thực tế của người thuộc diện cứu trợ xã hội và khả năng nguồn lực của địa phương để quy định mức trợ cấp xã hội, nhưng không thấp hơn mức trợ cấp quy định tại Điều 10 của Nghị định này.

Chương II

CHẾ ĐỘ CỨU TRỢ XÃ HỘI THƯỜNG XUYỀN

Điều 6. Người thuộc diện cứu trợ xã hội thường xuyên tại xã, phường quản lý gồm:

1. Trẻ em mồ côi là trẻ em dưới 16 tuổi, mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc bị bỏ rơi, bị mất nguồn nuôi dưỡng và không còn người thân thích để nương tựa; trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ, nhưng người còn lại là mẹ hoặc cha mất tích theo quy định tại Điều 88 của Bộ Luật Dân sự hoặc không đủ năng lực, khả năng để nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật;

2. Người già cô đơn không nơi nương tựa là người từ đủ 60 tuổi trở lên sống độc thân. Người già còn vợ hoặc chồng nhưng già yếu, không có con, cháu, người thân thích để nương tựa, không có nguồn thu nhập. Trường hợp là phụ nữ cô đơn không nơi nương tựa, không có nguồn thu nhập, từ đủ 55 tuổi trở lên, hiện đang được hưởng trợ cấp cứu trợ xã hội vẫn tiếp tục được hưởng;

3. Người tàn tật nặng không có nguồn thu nhập và không có nơi nương tựa; người tàn tật nặng tuy có người thân thích nhưng họ già yếu hoặc gia đình nghèo không đủ khả năng kinh tế để chăm sóc;

4. Người tâm thần mãn tính là người mắc bệnh tâm thần thuộc các loại tâm thần phân liệt, rối loạn tâm thần đã được cơ quan y tế chuyên khoa tâm thần chữa trị nhiều lần nhưng chưa thuyên giảm và có kết luận bệnh mãn tính, sống độc

thân không nơi nương tựa hoặc gia đình thuộc diện đói nghèo.

Điều 7. Người thuộc diện cứu trợ xã hội quy định tại Điều 6 của Nghị định này thuộc diện đặc biệt khó khăn không tự lo được cuộc sống thì được xem xét tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội.

Điều 8. Những người có hoàn cảnh như người thuộc diện cứu trợ xã hội nhưng còn nơi nương tựa, có nguồn nuôi dưỡng mà gia đình làm đơn tự nguyện đưa vào cơ sở bảo trợ xã hội, được cấp có thẩm quyền đồng ý thì gia đình phải chịu mọi chi phí theo quy định.

Ngân sách nhà nước không hỗ trợ kinh phí cho đối tượng nói tại Điều này.

Điều 9.

1. Trẻ em từ 13 tuổi trở lên thuộc các cơ sở bảo trợ xã hội không còn học văn hóa thì được giới thiệu đến các trung tâm dạy nghề để học nghề theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Trẻ em đã trưởng thành, người tàn tật đã phục hồi chức năng, người bệnh tâm thần đã ổn định, đang ở cơ sở bảo trợ xã hội thì được đưa trở về địa phương. Ủy ban nhân dân xã, phường, gia đình có trách nhiệm tiếp nhận và tạo điều kiện cho họ có việc làm và hòa nhập với cộng đồng.

Điều 10.

1. Mức trợ cấp cứu trợ xã hội thường xuyên tối thiểu do xã, phường quản lý bằng 45.000 đồng/người/tháng.

2. Mức trợ cấp sinh hoạt phí nuôi dưỡng tối thiểu tại cơ sở bảo trợ xã hội của Nhà nước bằng 100.000 đồng/người/tháng; riêng đối với trẻ em dưới 18 tháng tuổi phải ăn thêm sữa, mức trợ cấp bằng 150.000 đồng/người/tháng.

Điều 11. Ngoài trợ cấp sinh hoạt phí nuôi dưỡng quy định tại khoản 2 Điều 10 của Nghị định này, các đối tượng ở cơ sở bảo trợ xã hội thuộc Nhà nước quản lý được hưởng thêm các khoản trợ cấp sau:

1. Trợ cấp để mua sắm tư trang, vật dụng phục vụ cho sinh hoạt đời sống thường ngày;

2. Trợ cấp mua thuốc chữa bệnh thông thường;
3. Trợ cấp mua sách giáo khoa và đồ dùng học tập đối với trẻ em đi học phổ thông, bổ túc văn hóa;
4. Trợ cấp hàng tháng vệ sinh cá nhân đối với đối tượng nữ trong độ tuổi sinh đẻ;
5. Trợ cấp mai táng phí.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định mức trợ cấp phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương.

Điều 12. Cơ sở bảo trợ xã hội được tiếp nhận, sử dụng và quản lý các nguồn kinh phí và hiện vật (nếu có) do các tổ chức, cá nhân đóng góp và giúp đỡ từ thiện; bảo đảm sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng và thanh quyết toán theo chế độ tài chính hiện hành.

Điều 13. Nguồn kinh phí nuôi dưỡng, kinh phí hoạt động bộ máy và kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản của các cơ sở bảo trợ xã hội thuộc cấp nào quản lý do ngân sách cấp đó bảo đảm theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước.

Chương III

CHẾ ĐỘ CỨU TRỢ XÃ HỘI ĐỘT XUẤT

Điều 14. Đối tượng được cứu trợ xã hội đột xuất (một lần) là những người hoặc hộ gia đình khó khăn do hậu quả thiên tai hoặc những lý do bất khả kháng khác gây ra, bao gồm:

1. Hộ gia đình có người bị chết, mất tích;
2. Hộ gia đình có nhà ở bị đổ, sập, trôi, cháy, hỏng nặng;
3. Hộ gia đình mất phương tiện sản xuất, lâm vào cảnh bị thiếu đói;
4. Người bị thương nặng;
5. Người thiếu đói do giáp hạt;
6. Người gặp phải rủi ro ngoài vùng cư trú mà bị thương nặng hoặc chết, gia đình không biết để chăm sóc hoặc mai táng;

7. Người lang thang xin ăn trong thời gian tập trung chờ đưa về nơi cư trú.

Điều 15. Mức trợ cấp cứu trợ xã hội đột xuất đối với từng nhóm đối tượng quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 14 của Nghị định này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định tùy mức độ thiệt hại và khả năng huy động nguồn lực.

Người lang thang xin ăn trong thời gian tập trung chờ đưa về nơi cư trú được trợ cấp 5.000 đồng/người/ngày, nhưng không quá 15 ngày.

Điều 16. Nguồn kinh phí để thực hiện cứu trợ đột xuất bao gồm:

1. Ngân sách nhà nước cân đối hàng năm; ngân sách tỉnh, huyện, xã tự cân đối;
2. Do các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước ủng hộ;
3. Trợ giúp của nước ngoài, tổ chức quốc tế hỗ trợ trực tiếp cho địa phương hoặc thông qua Chính phủ, các đoàn thể xã hội.

Trường hợp các nguồn kinh phí trên không đủ để thực hiện cứu trợ đột xuất thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội giúp Chính phủ quản lý nhà nước về công tác cứu trợ xã hội; chủ trì và phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

Điều 18.

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm đảm bảo kinh phí cứu trợ xã hội theo quy định hiện hành và phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước.

2. Bộ Y tế có trách nhiệm hướng dẫn việc phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh cho người thuộc diện

cứu trợ xã hội và giám định tình trạng bệnh tật của người tâm thần, người tàn tật.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm hướng dẫn việc tổ chức học văn hóa; miễn, giảm học phí và các khoản đóng góp khác cho học sinh là người thuộc diện cứu trợ xã hội theo chế độ hiện hành.

4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xác định mức độ hậu quả thiên tai, mất mùa và đói giáp hạt để có biện pháp và hướng dẫn tổ chức thực hiện việc cứu trợ xã hội đột xuất.

Điều 19. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

1. Quản lý người thuộc diện cứu trợ xã hội và cơ sở bảo trợ xã hội thuộc địa phương;

2. Tổ chức thực hiện chế độ cứu trợ xã hội đối với từng nhóm người thuộc diện cứu trợ xã hội được quy định tại Nghị định này;

3. Chỉ đạo việc xây dựng, quản lý các cơ sở bảo trợ xã hội thuộc địa phương;

4. Chỉ đạo cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, các ngành chức năng hướng dẫn các tổ chức và cá nhân hỗ trợ người thuộc diện cứu trợ xã hội;

5. Hàng năm, lập dự toán kinh phí cứu trợ xã hội thường xuyên, cứu trợ xã hội đột xuất theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành; hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp dưới, cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội và các ngành chức năng xây dựng và tổng hợp kế hoạch kinh phí cứu trợ xã hội thường xuyên, cứu trợ xã hội đột xuất.

Chương V

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 20. Người có nhiều công lao, thành tích đóng góp cho hoạt động từ thiện đối với người thuộc diện cứu trợ xã hội thì được xét khen thưởng theo chế độ khen thưởng của Nhà nước.

Điều 21. Người vi phạm những quy định của Nghị định này, thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì bồi thường theo quy định của pháp luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 23. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
KT. Thủ tướng
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 08/2000/NĐ-CP ngày 10/3/2000 về đăng ký giao dịch bảo đảm.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 28 tháng 10 năm 1995;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,